

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RG
TỈNH KG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 236/2024/HS-ST

Ngày: 25/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RG
TỈNH KG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Bé Em

2. Bà Lê Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Mai Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân TP RG, tỉnh KG.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân TP RG, tỉnh KG tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Thiệt – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP RG xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 76/2024/TLST-HS, ngày 28 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 248/2024/QĐXXST-HS, ngày 04 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn K - sinh năm 1990; Nơi cư trú: ấp HT, xã ĐH, huyện GQ, tỉnh KG; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không có; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn H (đã chết) và bà Võ Thị S; Tiền án, tiền sự: không có; Từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2022, thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Ngày 23/8/2023, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an TP RG khởi tố và ra lệnh bắt tạm giam; Đến ngày 01/12/2023, bị bắt tạm giam; Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an TP RG, tỉnh KG; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Nguyên K - sinh năm 1998; Nơi cư trú: số 217, đường TTĐ, phường VTV, TP RG, tỉnh KG; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không có; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Nguyên K và bà Nguyễn Thị Mỹ H; Có vợ tên Dương Gia H; Con có 01 người, sinh năm 2024;

Tiền án, tiền sự: không có; Ngày 18/10/2022, thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Ngày 30/01/2024, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an TP RG khởi tố và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; Hiện đang tại ngoại, cư trú tại địa chỉ số 217, đường THĐ, phường VTV, TP RG, tỉnh KG; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn K:** Luật sư **Phạm Hoàng K** – Văn phòng Luật sư Phạm Hoàng Khoa, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh KG (có mặt).

- **Bị hại: Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ tổng hợp TTĐ**

Người đại diện theo pháp luật là ông **Nguyễn Sỹ D**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: số 22, đường Lê Viết Thuật, xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền là anh **Nguyễn Trường X**, sinh năm 1994, theo giấy ủy quyền ngày 12/9/2024 (có mặt).

Địa chỉ: số 34, đường TQT, phường VT, TP RG, tỉnh KG.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Lê Thúy A – sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: ấp HT, xã ĐH, huyện GQ, tỉnh KG.

- **Người làm chứng:**

Hà Văn K – sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp MQ, xã TY, huyện AB, tỉnh KG.

Huỳnh Cẩm T – sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: 45-C7, LVH, phường VL, TP RG, tỉnh KG.

Trần Thanh S – sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 2, ấp MT, xã GT, huyện CT, tỉnh KG.

Thái Nhật L – sinh năm 2003 (vắng mặt).

Địa chỉ: 222A/2 NGT, phường RS, TP RG, tỉnh KG.

Nguyễn Ngọc Minh T – sinh năm 2003 (vắng mặt).

Địa chỉ: 222A/2 NGT, phường RS, TP RG, tỉnh KG.

Nguyễn Hữu K – sinh năm 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 235/6, đường MC, phường VT, TP RG, tỉnh KG.

Phạm Quang T – sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 11, KP ML, thị trấn ML, huyện CT, tỉnh KG.

Trần Thanh T – sinh năm 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp ĐT A, xã TT, huyện TH, tỉnh KG.

Danh C – sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp HX, xã ĐH, huyện GQ, tỉnh KG.

Thị C – sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp HX, xã ĐH, huyện GQ, tỉnh KG

Huỳnh Văn Đ – sinh năm 2002 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp TA, xã MT A, huyện CT, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp TTĐ, địa chỉ: số 22, đường LVT, xã HL, TP V, tỉnh NA có mở chi nhánh văn phòng tại số 2A, đường TP, phường VT, TP RG, tỉnh KG hoạt động cho vay với hình thức là người vay tiền khi đến vay sẽ viết 01 giấy bán xe mô tô cho Công ty và sau đó Công ty sẽ làm 01 hợp đồng cho người vay tiền thuê lại xe trên và trả tiền thuê hàng tháng, thực tế là người vay tiền đóng lãi hàng tháng cho Công ty. Bộ hồ sơ để vay tiền gồm có: giấy bán xe cho Công ty, hợp đồng cho thuê xe, biên bản xác nhận thanh toán tiền mua bán xe, phiếu kiểm tra tình trạng xe, phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm hợp đồng, phiếu yêu cầu xóa đăng ký, hình ảnh xe, hình chân dung chủ xe (*bút lục số 12 đến 20; 208*).

Vào tháng 8/2022 Lâm Hoài M gửi hồ sơ xin việc vào chi nhánh văn phòng trên để làm việc và được nhận công việc ở cửa hàng với nhiệm vụ là khi có khách hàng đến vay tiền thế chấp xe theo hình thức mua bán tài sản thì M có nhiệm vụ kiểm tra xe, giấy tờ xe, thẩm định, hướng dẫn khách hàng làm hồ sơ và đưa tiền cho khách hàng. Đối với Lê Văn K gửi hồ sơ xin việc vào tháng 10/2022 và được nhận vào làm có nhiệm vụ kiểm tra xe, giấy tờ xe và hướng dẫn khách hàng làm hồ sơ, K làm chung với M và học việc từ M. Do cần tiền tiêu xài nên Lâm Hoài M đã rủ Lê Văn K dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp TTĐ chi nhánh KG thì K đã đồng ý (*bút lục số 21 đến 51*).

Theo quy định của Công ty thì các hợp đồng vay tiền có thế chấp xe thì xe phải chính chủ. Từ đó, để hợp thức và hoàn thiện hồ sơ vay nên M và K đã thỏa thuận thống nhất cùng nhau lấy thông tin của khách hàng không được duyệt hồ sơ vay hoặc lấy đúng thông tin xe của bạn bè K, M mà những người này không đứng tên chủ sở hữu, sau đó M sẽ làm giả chứng minh nhân dân, giấy chứng nhận đăng ký xe và sử dụng giấy tờ giả đó để vào hồ sơ khác hoặc đúng theo tên người bạn đang sử dụng phương tiện không đứng tên chủ sở hữu để được vay tiền. Lợi dụng không có người quản lý nên

khi M đưa thông tin khách hàng lên hệ thống, nhân viên kiểm tra khi thấy trùng khớp thông tin nên đã giải ngân theo quy định. Ngoài ra, trường hợp khách hàng đến vay tiền trong quá trình đợi thẩm định thì M và K yêu cầu khách hàng ký tên trước còn thông tin trong hợp đồng thì M, K sẽ thay phiên ghi lại sau (M nói dối với người vay tiền là để đỡ tốn thời gian). Lợi dụng việc đó M và K đã tự ghi số tiền mua xe (tiền vay) rồi gửi cho Công ty thẩm định số tiền được vay. Khi Công ty thẩm định xong sẽ báo số tiền người vay được vay cho M biết, sau đó M nói với K rồi M hoặc K sẽ thông báo với khách hàng là số tiền được vay ít hơn số tiền thẩm định nhằm để chiếm đoạt của Công ty số tiền chênh lệch đã ghi trong hợp đồng so với số tiền thực tế mà M, K thông báo và đưa cho những người vay. Đối với việc M làm giả giấy chứng minh, giấy đăng ký xe ở đâu, từ ai thì K không biết do M không nói với K, nhưng do hai người làm chung với nhau nên K biết đó là giấy tờ giả và đồng ý cùng M sử dụng các giấy tờ giả đó để hợp thức hoá hồ sơ vay tiền, còn đối với nội dung, chữ ký và các giấy tờ khác trong hợp đồng thì M, K sẽ thay phiên nhau ghi, sau mỗi hợp đồng tiền chiếm đoạt được M đều chia cho K. Do M là người giữ tiền và đi làm trước nên đã hướng dẫn K thực hiện các hành vi nêu trên (*bút lục số 214; 218; 221 đến 226; 298 đến 299; 302*).

Quá trình điều tra đã xác định được trong khoảng thời gian từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2022, Lâm Hoài M và Lê Văn K đã thống nhất cùng nhau thực hiện hành vi sử dụng chứng minh nhân dân giả, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả và dùng các thủ đoạn gian dối như trên để hợp thức các hồ sơ vay tiền nhằm chiếm đoạt tiền của Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp TTĐ chi nhánh KG. Hành vi phạm tội của M, K cụ thể ở các lần phạm tội như sau:

- *Các lần M, K phạm tội bằng thủ đoạn sử dụng chứng minh nhân dân giả, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả, ghi thông tin không, không đúng để hợp thức các hồ sơ vay tiền nhằm chiếm đoạt tiền của công ty:*

+ Hợp đồng vay tiền ghi ngày 13/10/2022, tên người bán xe và thuê lại xe (người vay tiền) là Phạm Quang T, địa chỉ: KP ML, thị trấn ML, huyện CT, tỉnh KG, thông tin xe trong hồ sơ là xe Honda Wave RSX FI, biển kiểm soát 68C1-758.75 chủ sở hữu là Phạm Quang T. Đây là hồ sơ thực tế anh T có đến vay tiền và đã ký tên trước còn các thông tin trong hồ sơ do K ghi lại sau để hợp thức, Công ty thẩm định được với số tiền là 9.000.000 đồng và giải ngân số tiền trên, M thông báo với anh T là chỉ vay được 3.000.000 đồng và đưa anh T số tiền trên, số tiền 6.000.000 đồng còn lại của Công ty, **M chia cho K 1.000.000 đồng, còn M chiếm đoạt 5.000.000 đồng.** Do hồ sơ trên

không có giấy chứng nhận đăng ký xe nên **M đã làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe tên Phạm Quang T** với thông tin đặc điểm xe như trên để hợp thức hồ sơ (*bút lục số 144 đến 152, 153 đến 155, 206, 209, 217 đến 226, 297 đến 303*).

+ Hợp đồng vay tiền ghi ngày 22/10/2022 tên người vay tiền là Danh C, địa chỉ: ấp HX, xã ĐH, huyện GQ, tỉnh KG, thông tin xe trong hồ sơ là xe Honda Wave trắng đen bạc, biển kiểm soát 68E1-569.23 chủ sở hữu là Danh C. C là bạn bè cùng quê với K. Đây là hồ sơ thực tế anh C có đến vay tiền nhưng do anh C không đứng tên chủ sở hữu xe nên Kiệt không đồng ý, sau đó K báo lại với M thì M nói với K kêu C mang xe trên đến để làm thủ tục vay. Hợp đồng này anh C đã ký tên trước còn các thông tin do K ghi lại sau và M là người ký tên trong hợp đồng để hợp thức. Công ty thẩm định và giải ngân được với số tiền 10.000.000 đồng, **M chiếm đoạt 8.000.000 đồng, chia cho K 2.000.000 đồng**. Sau đó K cho Chiến 1.500.000 đồng (C không biết K và M làm giả hồ sơ vay tiền để lừa đảo Công ty và sau đó Ch đã tự nguyện giao nộp lại 1.500.000 đồng). **Giấy chứng nhận đăng ký xe tên Danh C với thông tin xe như trên là do M làm giả** để hợp thức hồ sơ nhằm để chiếm đoạt tiền của Công ty, thực tế xe trên do Thị C, là em ruột của C đứng tên chủ sở hữu (*bút lục số 169 đến 180, 206, 209, 217 đến 226, 297 đến 302, 303*).

+ Hợp đồng vay tiền ghi ngày 23/10/2022 tên người vay là Nguyễn Thị N, địa chỉ: Ấp TT, xã TT, huyện TH, tỉnh KG, thông tin xe trong hồ sơ là xe Honda Vario 125, màu trắng đen, biển kiểm soát 68T1-680.60 chủ sở hữu là Nguyễn Thị N. Hồ sơ này K và M cùng ghi nội dung và người ký tên trong hợp đồng là M. Hồ sơ được Công ty thẩm định và giải ngân với số tiền 25.000.000 đồng, **M chia cho K 7.000.000 đồng, còn lại M chiếm đoạt 18.000.000 đồng**. **Giấy chứng nhận đăng ký xe tên Nguyễn Thị N với thông tin xe như trong hợp đồng và giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị N là do M làm giả**, thực tế không có người tên Nguyễn Thị N ở địa chỉ trên và xe Honda Vario 125, màu trắng đen, biển kiểm soát 68T1-680.60 chủ sở hữu thực tế qua tra cứu là Trần Thanh T, địa chỉ: ấp ĐT A, xã TT, huyện TH, tỉnh KG. Tuấn là bạn của K nên đồng ý cho K mượn xe chụp lại hình ảnh để hợp thức hồ sơ vay tiền, sau đó K cho T 1.000.000 đồng, việc K sử dụng hình ảnh, thông tin xe Honda Vario 125, màu trắng đen, biển kiểm soát 68T1-680.60 của T để thực hiện việc lừa đảo thì T không biết (*bút lục số 156 đến 167, 206, 209, 217 đến 226, 297 đến 302, 303*).

+ Vào ngày 28/10/2022 có hợp đồng tên người vay là Trần Trung H, đây là hồ sơ thực tế anh H có đến vay tiền và đã ký tên sẵn nhưng không được duyệt vay. Lợi dụng

hồ sơ đã có chữ ký sẵn nên K đã ghi thông tin bổ sung vào hồ sơ còn người ký tên là M để hợp thức hồ sơ vay với thông tin xe trong hồ sơ là xe Honda Vario 149, màu sơn đen, biển kiểm soát 68G1-623.04 chủ sở hữu là Trần Trung H. Hồ sơ được Công ty thẩm định và giải ngân với số tiền 17.000.000 đồng, **M chia cho K 5.000.000 đồng còn lại 12.000.000 đồng M chiếm đoạt. Giấy chứng nhận đăng ký xe tên Trần Trung H với thông tin xe như trong hợp đồng là do M làm giả**, chủ sở hữu xe thực tế qua tra cứu là Lê Thúy A, địa chỉ: ấp HT, xã ĐH, huyện GQ, tỉnh KG. A là chị ruột của K, việc K sử dụng thông tin xe Honda Vario 149, màu sơn đen, biển kiểm soát 68G1-623.04 để thực hiện việc lừa đảo thì A không biết (*bút lục số 183 đến 191, 193 đến 197, 206; 209, 217 đến 226, 297 đến 302, 303*).

+ Hợp đồng vay tiền ghi ngày 13/10/2022 tên người vay là Lê Chí B, địa chỉ: 388/8/11, đường NBK, phường VQ, TP RG, tỉnh KG, thông tin xe trong hồ sơ là xe YAMAHA JANUS, màu đen, biển kiểm soát 68C1-329.95 chủ sở hữu là Lê Chí B. Hồ sơ này khách hàng đã ký tên trước, K chỉ ghi thông tin bổ sung trong hồ sơ để hợp thức vay tiền, còn M là người ký tên trong hồ sơ. Do hồ sơ dưới 7.000.000 đồng nên không cần báo về Công ty thẩm định, quỹ tiền mặt tại chi nhánh Công ty có sẵn nên **M đã tự giải ngân và chiếm đoạt số tiền 6.000.000 đồng, M chia cho K 1.000.000 đồng. Giấy chứng nhận đăng ký xe và giấy chứng minh nhân dân tên Lê Chí B do M làm giả**, K không biết người tên Lê Chí B là ai. Qua xác minh được chính quyền địa phương cung cấp thông tin người này vắng mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra không mời làm việc được. Đối với xe YAMAHA JANUS, màu đen, biển kiểm soát 68C1-329.95 qua tra cứu xác định được chủ sở hữu thực tế là Huỳnh Thị H, địa chỉ: ấp VT, xã VHH, huyện CT, tỉnh KG, hiện tại H cũng vắng mặt tại nơi cư trú, Cơ quan điều tra chưa làm việc được (*bút lục số 56 đến 65, 86 đến 95, 206, 209, 217 đến 226, 297 đến 303*).

- Các lần M, K phạm tội bằng thủ đoạn cùng nhau ghi thông tin, ký tên người vay trong hồ sơ vay, sau đó M và K gửi hồ sơ để Công ty thẩm định và giải ngân tiền vay, sau đó M, K thông báo với khách hàng là số tiền được vay ít hơn số tiền thẩm định nhằm để chiếm đoạt của Công ty số tiền chênh lệch đã ghi trong hợp đồng với số tiền thực tế mà M, K thông báo và đưa cho những người vay, cụ thể:

+ Hợp đồng vay tiền ghi ngày 27/11/2022 của bà Huỳnh Cẩm T, sinh ngày 20/02/1978, địa chỉ: 45 – C7, đường LVH, phường VL, TP RG, tỉnh KG. Đây là hồ sơ thực tế bà T có đến làm thủ tục vay tiền, bà đã ký tên sẵn trước trong hồ sơ, Mộng và K ghi thông tin bổ sung và ký tên để hợp thức hồ sơ với thông tin xe trong hồ sơ là xe

Honda SH Mode, màu sơn bạc, biển kiểm soát 68D1-454.24 chủ sở hữu là Huỳnh Cẩm T là đúng thực tế. Hồ sơ xe trên Công ty thẩm định và giải ngân với số tiền 20.000.000 đồng nhưng M chỉ đưa cho bà T số tiền 17.000.000 đồng, **còn lại 3.000.000 đồng M chiếm đoạt của Công ty**. Do hồ sơ này M là người ghi thông tin K chỉ ký tên nên M không chia tiền cho K (*bút lục số 106 đến 114, 217 đến 226, 297 đến 303*).

+ Hợp đồng vay tiền ghi ngày 30/11/2022 của anh Trần Thanh S, sinh ngày 01/01/1990, địa chỉ: tổ 2, ấp MT, xã GT, huyện CT, tỉnh Kiên Giang. Đây là hồ sơ thực tế anh S có đến làm thủ tục vay tiền, anh S ký tên trước, rồi K ghi thông tin bổ sung, ký tên vào hồ sơ, M là người thay đổi số điện thoại để hợp thức hồ sơ. Thông tin xe trong hồ sơ là xe YAMAHA EXCITER, 149, màu xanh bạc đen, biển kiểm soát 68C1-333.14, chủ sở hữu là Trần Thanh S là đúng thực tế. Hồ sơ này Công ty thẩm định và giải ngân số tiền 12.000.000 đồng, M kêu K thông báo và đưa cho anh Sang 10.000.000 đồng, số tiền 2.000.000 đồng còn lại M **chiếm đoạt 1.300.000 đồng và chia cho K 700.000 đồng** (*bút lục số 115 đến 123, 217 đến 226, 297 đến 303*).

+ Hợp đồng vay tiền ghi ngày 03/12/2022 của anh Nguyễn Hữu K, sinh ngày 20/09/1998, địa chỉ: 235/6, đường MC, phường VT, TP RG, tỉnh KG. Đây là hồ sơ thực tế anh K có vay tiền, anh K ký tên sẵn trước, K ghi thông tin bổ sung, ký tên vào hồ sơ, M là người thay đổi số điện thoại trong hồ sơ để hợp thức. Thông tin xe trong hồ sơ là xe HONDA Future FI, 124, màu xanh đen, biển kiểm soát 68X1-578.90, chủ sở hữu là Nguyễn Hữu K là đúng thực tế. Hồ sơ này Công ty thẩm định và giải ngân số tiền 13.000.000 đồng nhưng M nói với khách hàng là 9.000.000 đồng, số tiền 4.000.000 đồng còn lại **M chia cho K 1.700.000 đồng, còn lại 2.300.000 đồng M chiếm đoạt của Công ty** (*bút lục số 135 đến 143, 217 đến 226, 297 đến 303*).

+ Hợp đồng vay tiền ghi ngày 05/12/2022 của anh Huỳnh Văn Đạt, sinh ngày 19/08/2002, địa chỉ: Ấp TA, xã MT A, huyện CT, tỉnh KG. Đây là hồ sơ thực tế anh Đ có vay tiền. K ghi thông tin bổ sung, ký tên vào hồ sơ, M là người thay đổi số điện thoại trong hồ sơ để hợp thức với thông tin xe là HONDA Wave, 109, màu trắng bạc đen, biển kiểm soát 68C1-627.06, chủ sở hữu là Huỳnh Văn Đ là đúng thực tế. Hồ sơ được vay số tiền 7.000.000 đồng nhưng M kêu K nói với anh Đ chỉ được 4.000.000 đồng, số tiền 3.000.000 đồng còn lại **M chia cho K 1.500.000 đồng, M chiếm đoạt 1.500.000 đồng** (*bút lục số 198 đến 205, 217 đến 226, 297 đến 303*).

+ Hợp đồng vay tiền ghi ngày 10/12/2022 của anh Thái Nhật L, sinh ngày 06/04/2003, địa chỉ: 222A/2 đường NGT, phường RS, TP RG, tỉnh KG. Đây là hồ sơ

thực tế anh L có vay tiền. K ghi thông tin bỏ sung, ký tên vào hồ sơ, M là người thay đổi số điện thoại trong hồ sơ để hợp thức với thông tin xe là HONDA Vario, màu bạc đen, biển kiểm soát 68X1-577.54, chủ sở hữu là Thái Nhật L là đúng thực tế. Hồ sơ này thẩm định và giải ngân được số tiền 18.000.000 đồng nhưng M kêu K nói với anh L là chỉ được 15.000.000 đồng, số tiền còn lại **M chiếm đoạt 1.800.000 đồng và chia cho K 1.200.000 đồng** (bút lục số 124 đến 134, 217 đến 226, 297 đến 303).

- Hợp đồng vay tiền ghi ngày 14/12/2022 của anh Hà Văn K, sinh ngày 07/12/1992, địa chỉ: Ấp MQ, xã TY, huyện AB, tỉnh KG. Đây là hồ sơ thực tế anh K có vay tiền. K là người ghi và ký tên, số điện thoại trong hồ sơ M là người thay đổi để hợp thức, thông tin xe YAMAHA EXCITER, 149, màu xanh đen, biển kiểm soát 68B1-205.98, chủ sở hữu là Hà Văn K là đúng thực tế. Hồ sơ được Công ty thẩm định và giải ngân số tiền 9.000.000 đồng nhưng M kêu K nói với khách hàng chỉ được 7.000.000 triệu đồng, còn lại 2.000.000 đồng thì **M chiếm đoạt 1.300.000 đồng và chia cho K 700.000 đồng** (bút lục số 96 đến 105, 217 đến 226, 297 đến 303).

Tổng cộng, Lâm Hoài M và Lê Văn K đã cùng nhau thực hiện thủ đoạn gian dối như nêu trên để chiếm đoạt của Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp TTĐ chi nhánh KG với **tổng số tiền là 82.000.000 đồng**, trong đó M được chia (thụ hưởng) số tiền 60.200.000 đồng, K được chia số tiền 21.800.000 đồng.

- *Đối với hành vi phạm tội của Trần Nguyên K*: Qua quá trình điều tra, căn cứ trình báo của đại diện theo ủy quyền của bị hại là Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp TTĐ chi nhánh KG là anh Thái Khắc H, lời khai nhận của Trần Nguyên K thì đã xác định được do cần tiền tiêu xài nên K đã dùng thủ đoạn gian dối là sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe giả mang tên mình để hợp thức hợp đồng vay tiền tại Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp TTĐ chi nhánh KG nhằm để chiếm đoạt tiền của công ty. Cụ thể, hợp đồng mua bán, thuê xe (hợp đồng vay tiền) ghi ngày 18/10/2022 tên người vay là Trần Nguyên K, địa chỉ: 217, đường Trần Hưng Đạo, phường VTV, TP RG, tỉnh KG, thông tin xe trong hồ sơ là xe HONDA Vario 149, màu nâu đen, biển kiểm soát 68S1 – 566.72 chủ sở hữu là Trần Nguyên K là thông tin xe và chủ sở hữu là đúng sự thật. Hồ sơ này thực tế là K có đến Công ty để vay tiền. Tuy nhiên, **giấy chứng nhận đăng ký xe tên Trần Nguyên K với thông tin như trên là giấy giả**, do K thuê người trên mạng xã hội Facebook làm giả, K không biết người này là ai và cũng không còn liên lạc được. Hồ sơ xe trên Công ty thẩm định và giải ngân với **số tiền 19.000.000 đồng, K đã chiếm đoạt của Công ty số tiền trên**. Đối với hồ sơ này qua điều tra xác định M và K không dùng

thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt và cũng không cùng với K dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo để chiếm đoạt tiền của Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp TTD chi nhánh KG. Việc sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là giấy chứng nhận đăng ký xe để làm hợp đồng vay tiền để chiếm đoạt tiền của Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp TTD chi nhánh KG là do Trần Nguyên K một mình cố ý thực hiện (*bút lục số 206, 209, 314 đến 333, 342A, 343, 346*).

Ngày 23/8/2023, Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can, ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Lâm Hoài M, Lê Văn K. Đến ngày 30/01/2024, Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can, ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Trần Nguyên K để điều tra. Quá trình điều tra thì M bỏ trốn, chưa bắt tạm giam được nên vào ngày 26/02/2024, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã đối với M, đồng thời đến ngày 28/02/2024 ra Quyết định tách vụ án hình sự đối với hành vi của M để tiếp tục điều tra theo quy định (*bút lục số 313, 424*).

Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Lê Văn K, Trần Nguyên K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, người đại diện của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng thống nhất với nội dung sự việc như đã nêu trên.

- Việc thu giữ tài liệu, đồ vật:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A51, số seri R58MC1E6 M4T, màu xanh đã qua sử dụng (thu giữ khi bắt tạm giam Lê Văn K);

+ Tiền Việt Nam: 10.000.000 đồng (do Lê Văn K giao nộp để bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại);

+ Tiền Việt Nam: 21.800.000 đồng (do chị ruột của bị can K là Lê Thúy A tự nguyện giao nộp để bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại);

(*bút lục số 231, 232, 293*).

+ Tiền Việt Nam: 19.530.000 đồng, do bị can Trần Nguyên K tự nguyện giao nộp để bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại (*bút lục số 333 đến 334*);

+ Tiền Việt Nam: 1.500.000 đồng, do anh Danh C tự nguyện giao nộp (*bút lục số 182*);

+ 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 372022280; họ và tên Trần Trung H, sinh ngày 22/01/2000; nơi ĐKKK thường trú: 13/2 NT, TP RG, KG; ngày cấp 04/01/2018;

+ 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 371846784; họ và tên Trần Nguyên K, sinh ngày 26/04/1998, nơi ĐKKK thường trú: 217 THĐ, Tp RG, KG; ngày cấp

18/01/2017;

+ 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 371655701; họ và tên Danh C, sinh ngày 20/10/1990; nơi ĐKKH thường trú: HX, ĐH, GQ, KG; ngày cấp 21/01/2015;

+ 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 006877, tên chủ xe Trần Trung H, biển số đăng ký 68G1-623.04, cấp ngày 25/02/2020 do Phó trưởng Công an thành phố ký Thượng tá Võ Hoàng N.

+ 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 371933077; họ và tên Lê Chí B; sinh ngày 05/03/2001; nơi ĐKKH thường trú: 388/8/11 NBK, Tp RG, tỉnh KG; ngày cấp 27/04/2018;

+ 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 370096553; họ và tên Nguyễn Thị N, sinh ngày 03/06/1994; nơi ĐKKH thường trú: TT, TT, TH, KG; ngày cấp 25/04/2012;

+ 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 68 012341, tên chủ xe Phạm Quang T, biển số đăng ký 68C1-758.75, cấp ngày 21/7/2022;

+ 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 68 000021, tên chủ xe Nguyễn Thị N, biển số đăng ký 68T1-680.60, cấp ngày 24/06/2022;

+ 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 68 012801, tên chủ xe Lê Chí B, biển số đăng ký 68C1-329.95, cấp ngày 16/09/2022;

+ 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 68 009252, tên chủ xe Danh C, biển số đăng ký 68E1-569.23, cấp ngày 06/05/2022;

+ 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 032550, tên chủ xe Trần Nguyên K, biển số đăng ký 68S1-566.72, cấp ngày 07/01/2020.

- **Xử lý vật chứng trong giai đoạn điều tra:** Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an TP RG đã trả lại:

Cho bị hại là Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp TTĐ: Tiền Việt Nam 52.830.000 đồng (trong đó tiền bị can Kiệt và gia đình tự giao nộp để bồi thường, khắc phục cho bị hại là 31.800.000 đồng, tiền bị can K giao nộp là 19.530.000 đồng, tiền anh Danh C giao nộp là 1.500.000 đồng). Theo quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 628/QĐ-ĐCSKT, ngày 26/02/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an TP RG (*bút lục số 419 đến 420*).

Cho bị cáo Lê Văn K: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A51, số seri R58MC1E6 M4T, màu xanh đã qua sử dụng, do không phải là vật chứng trong vụ án và cũng không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Theo quyết định

xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số số 629/QĐ-ĐCSKT, ngày 26/02/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an TP RG (*bút lục số 421 đến 422*).

- *Tại bản kết luận giám định số 251/KL-KTHS, ngày 28/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh KG kết luận:*

- 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 372022280; họ và tên Trần Trung H, sinh ngày 22/01/2000; nơi ĐKKH thường trú: 13/2 NT, TP. RG, KG; ngày cấp 04/01/2018 (ký hiệu A1) **là thật.**

- 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 371655701; họ và tên Danh C, sinh ngày 20/10/1990; nơi ĐKKH thường trú: HX, ĐH, GQ, KG; ngày cấp 21/01/2015 (ký hiệu A2) **là thật.**

- 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 371846784; họ và tên Trần Nguyên K, sinh ngày 26/04/1998, nơi ĐKKH thường trú: 217 THĐ, Tp RG, KG; ngày cấp 18/01/2017 (ký hiệu A3) **là thật.**

- 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 371933077; họ và tên Lê Chí B; sinh ngày 05/03/2001; nơi ĐKKH thường trú: 388/8/11 NBK, Tp RG, tỉnh KG; ngày cấp 27/04/2018 (ký hiệu A4) **là giả.**

- 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 370096553; họ và tên Nguyễn Thị N, sinh ngày 03/06/1994; nơi ĐKKH thường trú: TT, TT, TH, KG; ngày cấp 25/04/2012 (ký hiệu A5) **là giả.**

- 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 68 000021, tên chủ xe Nguyễn Thị N, biển số đăng ký 68T1-680.60, cấp ngày 24/06/2022 (ký hiệu A6) **là giả.**

- 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 68 012801, tên chủ xe Lê Chí B, biển số đăng ký 68C1-329.95, cấp ngày 16/09/2022 (ký hiệu A7) **là giả.**

- 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 68 009252, tên chủ xe Danh C, biển số đăng ký 68E1-569.23, cấp ngày 06/05/2022 (ký hiệu A8) **là giả.**

- 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 68 012341, tên chủ xe Phạm Quang T, biển số đăng ký 68C1-758.75, cấp ngày 21/7/2022 (ký hiệu A9) **là giả.**

- 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 006877, tên chủ xe Trần Trung H, biển số đăng ký 68G1-623.04, cấp ngày 25/02/2020 do Phó trưởng Công an thành phố ký Thượng tá Võ Hoàng N (ký hiệu A10) **là giả.**

- 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 032550, tên chủ xe Trần Nguyên K, biển số đăng ký 68S1-566.72, cấp ngày 07/01/2020 (ký hiệu A11) **là giả.**

(Bút lục số 71, 72).

- Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của bị hại - Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp TTĐ là anh Nguyễn Trường X xác định Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp TTĐ đã nhận từ bị cáo Lê Văn K số tiền bồi thường, khắc phục hậu quả là 33.300.000 đồng (trong đó tiền của bị cáo K là 31.800.000 đồng, tiền anh Danh C giao nộp là 1.500.000 đồng), từ bị cáo Trần Nguyên K số tiền bồi thường là 19.530.000 đồng nên không yêu cầu bồi thường gì thêm. Riêng đối với Lâm Hoài M, khi nào bắt được và làm rõ số tiền mà M chiếm đoạt thì sẽ đề nghị bồi thường tiếp trong vụ án khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án – Lê Thúy A không yêu cầu bị cáo Lê Văn K hoàn trả lại số tiền 21.800.000 đồng đã bồi thường thay.

Tại bản cáo trạng số 90/CT-VKSRG, ngày 28 tháng 3 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân TP RG, tỉnh KG đã truy tố bị cáo Lê Văn K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu hoặc giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 và điểm b, d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự; bị cáo Trần Nguyên K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu hoặc giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức” được quy định tại khoản 1 Điều 174 và điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP RG, tỉnh KG vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 và điểm b, d khoản 2 Điều 341, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, khoản 1 Điều 55, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn K mức án 01 năm đến 01 năm 06 tháng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 09 tháng đến 01 năm về tội “Sử dụng tài liệu hoặc giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức”, tổng hợp hình phạt đối với 02 tội danh; áp dụng khoản 1 Điều 174 và điểm d khoản 2 Điều 341, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, khoản 1 Điều 55, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Nguyên K mức án 09 tháng đến 01 năm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 06 tháng đến 09 tháng về tội “Sử dụng tài liệu hoặc giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức”, tổng hợp hình phạt đối với 02 tội danh.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử buộc tịch thu, tiêu hủy vật chứng, công cụ dùng vào việc phạm tội, gồm:

+ 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 372022280; họ và tên Trần Trung H, sinh ngày 22/01/2000; nơi ĐKKH thường trú: 13/2 NT, TP. RG, KG; ngày cấp 04/01/2018;

+ 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 371846784; họ và tên Trần Nguyên K, sinh ngày 26/04/1998, nơi ĐKKH thường trú: 217 THĐ, Tp RG, KG; ngày cấp 18/01/2017;

+ 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 371655701; họ và tên Danh Chiến, sinh ngày 20/10/1990; nơi ĐKKH thường trú: HX, ĐH, GQ, KG; ngày cấp 21/01/2015;

+ 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 006877, tên chủ xe Trần Trung H, biển số đăng ký 68G1-623.04, cấp ngày 25/02/2020 do Phó trưởng Công an thành phố ký Thượng tá Võ Hoàng N;

+ 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 371933077; họ và tên Lê Chí B; sinh ngày 05/03/2001; nơi ĐKKH thường trú: 388/8/11 NBK, Tp RG, tỉnh KG; ngày cấp 27/04/2018;

+ 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 370096553; họ và tên Nguyễn Thị N, sinh ngày 03/06/1994; nơi ĐKKH thường trú: TT, TT, TH, KG; ngày cấp 25/04/2012;

+ 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 68 012341, tên chủ xe Phạm Quang T, biển số đăng ký 68C1-758.75, cấp ngày 21/7/2022;

+ 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 68 000021, tên chủ xe Nguyễn Thị N, biển số đăng ký 68T1-680.60, cấp ngày 24/06/2022;

+ 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 68 012801, tên chủ xe Lê Chí B, biển số đăng ký 68C1-329.95, cấp ngày 16/09/2022.

+ 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 68 009252, tên chủ xe Danh C, biển số đăng ký 68E1-569.23, cấp ngày 06/05/2022;

+ 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 032550, tên chủ xe Trần Nguyên K biển số đăng ký 68S1-566.72, cấp ngày 07/01/2020.

Theo Lệnh nhập kho vật chứng số 231A/LNK-CSĐT-ĐCSKT, ngày 28/02/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an TP RG và Quyết định chuyển vật chứng số 53/QĐ-VKS ngày 28/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân TP RG.

- Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa, Luật sư Phạm Hoàng K trình bày lời bào chữa cho bị cáo Lê Văn K: Thống nhất với tội danh và điều khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo K. Tuy nhiên hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo K có phần nghiêm khắc do bị cáo K giữ vai trò là người giúp sức cho M nhưng phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mình đã gây ra, bị cáo chỉ được nhận số tiền 4.100.000 đồng đối với 06 hồ sơ

hưởng chênh lệch, số tiền 17.700.000 đồng đối với 06 hồ sơ khống, trong vụ án này nếu bắt được M thì sự việc sẽ được làm sáng tỏ. Do bị cáo K chỉ là đồng phạm giúp sức, bị cáo đã rất thành khẩn khai báo, tích cực thuyết phục gia đình khắc phục nhiều hơn 10.000.000 đồng so với số tiền đã chiếm đoạt nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt thấp hơn so với đề nghị của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an TP RG, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TP RG, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện theo ủy quyền của bị hại, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo và những chứng cứ xác định có tội:

Tại phiên tòa qua kết quả thẩm vấn, lời khai của bị cáo, người làm chứng; vật chứng cùng các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thể hiện: Do cần tiền tiêu xài nên Lâm Hoài M đã rủ Lê Văn K dùng thủ đoạn gian dối, tạo ra niềm tin nhằm để chiếm đoạt tiền của Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp TTĐ chi nhánh KG thì K đồng ý. Sau đó cả hai thống nhất cùng nhau dùng thủ đoạn là sử dụng chứng minh nhân dân giả, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả, thay phiên ghi thông tin khống, thông tin không đúng để hợp thức các hồ sơ vay tiền hoặc thông báo với khách hàng là số tiền họ được vay ít hơn số tiền thẩm định nhằm để chiếm đoạt của Công ty số tiền chênh lệch đã ghi trong hợp đồng với số tiền thực tế mà các bị can M, K thông báo và đưa cho những người vay tiền. Bằng thủ đoạn như trên thì trong khoảng thời gian từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2022, bị can K và bị can M đã chiếm đoạt của Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp TTĐ tổng số tiền là **82.000.000 đồng**.

Đối với Trần Nguyên K, do cần tiền tiêu xài nên vào ngày 18/10/2022, K đã dùng thủ đoạn gian dối là sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe giả mang tên mình để hợp

thức hóa hợp đồng vay tiền tại Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp TTĐ chi nhánh KG, sau khi Công ty giải ngân thì K đã chiếm đoạt của công ty số tiền **19.000.000 đồng**.

Do đó, có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Lê Văn K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu hoặc giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 và điểm b, d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự; bị cáo Trần Nguyên K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu hoặc giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức” được quy định tại khoản 1 Điều 174 và điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự như truy tố của Viện kiểm sát là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Về các vấn đề khác:

Đối với việc Lâm Hoài M, Trần Nguyên K có làm giả các giấy tờ nhưng qua điều tra không có căn cứ để xác định được là thuê ai làm, làm ở đâu, cách thức làm như thế nào. Đối với bị can M chưa làm việc được nên chưa có căn cứ nào để xác định được người đã làm giả giấy tờ. Do đó, đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với những người đứng tên trong các hợp đồng vay tiền đã bị M và K sử dụng thông tin để thực hiện thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của công ty, qua điều tra xác định được đều không biết M và K phạm tội, không giúp sức cho M và K, việc phạm tội là do M và K tự thực hiện nên không xem xét xử lý.

[4] Xét về nhân thân, hành vi, động cơ, tính chất, mức độ và hậu quả trong việc phạm tội của các bị cáo:

Trong vụ án này, các bị cáo K, K phạm tội vì mục đích vụ lợi, tuy nhiên thực hiện hành vi riêng biệt, không có dấu hiệu đồng phạm, cấu kết chặt chẽ với nhau, cụ thể hành vi của các bị cáo như sau:

- Đối với bị cáo K: Bị cáo và M đã cùng nhau dùng thủ đoạn là sử dụng chứng minh nhân dân giả, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả, thay phiên ghi thông tin khống, thông tin không đúng để hợp thức các hồ sơ vay tiền hoặc thông báo với khách hàng là số tiền họ được vay ít hơn số tiền thẩm định nhằm để chiếm đoạt của Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ tổng hợp TTĐ số tiền chênh lệch đã ghi trong hợp đồng với số tiền thực tế mà bị cáo và M thông báo và đưa cho những người vay tiền. Tổng số tiền bị cáo và M đã chiếm đoạt là 82.000.000 đồng, trong đó bị cáo được chia số tiền 21.800.000 đồng.

Đối với bị cáo K: bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối là sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe giả mang tên mình để hợp thức hóa hợp đồng vay tiền tại Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ tổng hợp TTD chi nhánh KG, sau khi công ty giải ngân thì bị cáo đã chiếm đoạt của công ty số tiền 19.000.000 đồng.

Xét thấy các bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, xâm phạm hoạt động bình thường của các cơ quan nhà nước, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính, qua đó ảnh hưởng đến hoạt động và uy tín của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy đứng trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mình đã gây ra, do đó cần phải xử lý các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả trong việc phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo, đồng thời cũng nhằm tuyên truyền, phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo K có 01 tình tiết tăng nặng do phạm tội 02 lần trở lên (đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản), bị cáo K không có tình tiết tăng nặng,

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ do trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, tự nguyện bồi thường thiệt hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Nên cần thiết áp dụng các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự để xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ nêu trên khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo K; áp dụng các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét các tình tiết giảm nhẹ nêu trên khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo K.

Xét thấy các bị cáo được bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã viện dẫn, bên cạnh đó cũng nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để xem xét, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được quy định của điều luật đối với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo là người có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân TP RG là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174 và điểm b, d khoản 2 Điều 341, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, khoản 1 Điều 55, Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo **Lê Văn K** phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu hoặc giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt bị cáo **Lê Văn K** mức án **01 (một) năm tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, **09 (chín) tháng tù** về tội “Sử dụng tài liệu hoặc giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng cộng bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **01 (một) năm 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (01/12/2023).

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 174 và điểm d khoản 2 Điều 341, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, khoản 1 Điều 55, Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo **Trần Nguyên K** phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu hoặc giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt bị cáo **Trần Nguyên K** mức án **09 (chín) tháng tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, **06 (sáu) tháng tù** về tội “Sử dụng tài liệu hoặc giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng cộng bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự buộc tịch thu, tiêu hủy vật chứng, công cụ dùng vào việc phạm tội, gồm:

+ 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 372022280; họ và tên Trần Trung H, sinh ngày 22/01/2000; nơi ĐKKH thường trú: 13/2 NT, TP. RG, KG; ngày cấp 04/01/2018;

+ 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 371846784; họ và tên Trần Nguyên K, sinh ngày 26/04/1998, nơi ĐKKH thường trú: 217 THĐ, Tp RG, KG; ngày cấp 18/01/2017;

+ 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 371655701; họ và tên Danh C, sinh ngày

20/10/1990; nơi ĐKKH thường trú: HX, ĐH, GQ, KG; ngày cấp 21/01/2015;

+ 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 006877, tên chủ xe Trần Trung H, biển số đăng ký 68G1-623.04, cấp ngày 25/02/2020 do Phó trưởng Công an thành phố ký Thượng tá Võ Hoàng N;

+ 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 371933077; họ và tên Lê Chí B; sinh ngày 05/03/2001; nơi ĐKKH thường trú: 388/8/11 NBK, Tp RG, tỉnh KG; ngày cấp 27/04/2018;

+ 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 370096553; họ và tên Nguyễn Thị N, sinh ngày 03/06/1994; nơi ĐKKH thường trú: TT, TT, TH, KG; ngày cấp 25/04/2012;

+ 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 68 012341, tên chủ xe Phạm Quang T, biển số đăng ký 68C1-758.75, cấp ngày 21/7/2022;

+ 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 68 000021, tên chủ xe Nguyễn Thị N, biển số đăng ký 68T1-680.60, cấp ngày 24/06/2022;

+ 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 68 012801, tên chủ xe Lê Chí B, biển số đăng ký 68C1-329.95, cấp ngày 16/09/2022.

+ 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 68 009252, tên chủ xe Danh C, biển số đăng ký 68E1-569.23, cấp ngày 06/05/2022;

+ 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 032550, tên chủ xe Trần Nguyên K, biển số đăng ký 68S1-566.72, cấp ngày 07/01/2020.

Theo Lệnh nhập kho vật chứng số 231A/LNK-CSĐT-ĐCSKT, ngày 28/02/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an TP RG và Quyết định chuyển vật chứng số 53/QĐ-VKS ngày 28/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân TP RG.

- Về trách nhiệm dân sự: Giữa các bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án – Lê Thúy A không yêu cầu bị cáo Lê Văn K hoàn trả lại số tiền 21.800.000 đồng đã bồi thường thay nên không xem xét.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/9/2024).

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh KG;
- VKSND tỉnh KG;
- VKSND TP. RG;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Công an TP. RG;
- Chi cục THADS TP. RG;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đào Đức Luân

CÁC HỘI THẨM	HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
---------------------	------------------------	--------------------------

Mai Văn Bé Em

Lê Thị Mỹ

Đào Đức Luân

